

VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIẢNG VIÊN TRONG PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

GS. TS. Tô Xuân Dân *

Tóm tắt: Việc chuyển từ đào tạo theo học chế niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ (ĐTTC) vừa là một tất yếu theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, vừa để đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập với hệ thống giáo dục toàn cầu. Quá trình chuyển đổi này không chỉ cần có sự đổi mới trong công tác quản lý đào tạo mà điều cốt lõi là đổi mới căn bản cách dạy và cách học. Nếu không có sự đổi mới thực chất này thì ĐTTC sẽ bị hạn chế, đôi khi đưa tới sự sơ cứng và phản tác dụng. Bài viết này nêu khái quát đặc trưng về ĐTTC để từ đó làm rõ vai trò và nhiệm vụ giảng viên trong ĐTTC, tập trung vào vai trò đặc biệt của người thầy và những yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên.

Từ khóa: Tín chỉ, đào tạo tín chỉ, hệ thống tín chỉ, đào tạo niên chế, giáo dục.

Abstract: The transfer from the annual to credit system training (CST) not only is a must under the direction of MOET but also meets the requirements of the integration into global education system. This transfer requires the innovation in the education management whose essence is to innovate the teaching and learning methods. Without this intrinsic innovation, credit system training will be restricted, sometimes become sclerosed and counteracted. This article gives general characteristics of credit system training so that the functions and tasks chiefly the special tasks of the teachers and the requirements for renovating teaching methods of the lecturers in the credit system training must be clarified.

Keywords: Credit, credit system training, credit system, annual training, education

1. Vài nét về đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.1. Khái niệm tín chỉ và đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Như đã biết, ĐTTC là phương thức đào tạo tiên tiến trong giáo dục của nhiều nước hiện nay, còn gọi là học chế tín chỉ để phân biệt với phương pháp trước nó là học chế niên chế (NC). ĐTTC ra đời từ năm 1872 tại Đại học Harvard, còn ở Tây Âu thì được phát triển từ những năm 1960, đến nay được áp dụng phổ biến hầu như trên toàn thế giới.

Trong nhiều định nghĩa về tín chỉ (TC), định nghĩa sau đây của James Quann (Đại học Washington) được quan tâm nhiều: *Tín chỉ học tập (credit) là một đại lượng đo toàn bộ thời gian bắt buộc của một người học bình thường để học một môn học cụ thể, bao gồm (1) thời gian lên lớp; (2) thời gian ở phòng thí nghiệm, thực tập hoặc các phần việc khác quy định ở thời khóa biểu; và (3) thời gian cho đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề, viết hoặc chuẩn bị bài; đối với các môn học lý thuyết, 1 TC là 1 giờ lên lớp trong một tuần và kéo dài trong*

* Phó Chủ nhiệm Khoa Kinh tế - Trường ĐH KD&CN Hà Nội.

một học kỳ 15 tuần, ... [6]. Định nghĩa trên gắn với học kỳ 4 tháng (semester) được sử dụng phổ biến ở Mỹ (có định nghĩa tương tự cho TC theo học kỳ 10 tuần). Để đạt bằng cử nhân, sinh viên phải tích lũy đủ 120 -136 TC (Mỹ), 120 -135 TC (Nhật Bản), 120-150 TC (Thái Lan); bằng thạc sĩ – phải tích lũy 30-36 TC (Mỹ), 30 TC (Nhật Bản), 36 TC (Thái Lan). Tại Việt Nam, 1 TC được hiểu là gồm 15 tiết lý thuyết, 30-45 tiết thực hành, thảo luận, 45-90 giờ thực tập tại cơ sở, 45-60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn. Với sinh viên, để tiếp thu được 1 TC, phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (trong NC: 1 đvht là 15 tiết lý thuyết và 15 giờ chuẩn bị cá nhân).

1.2. Đặc trưng cơ bản của đào tạo tín chỉ so với đào tạo niên chế

a) Đối với người học

- ĐTTC cho phép sinh viên đạt được văn bằng qua việc tích lũy các loại kiến thức được đo bằng TC. Việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được tính vào nội dung và thời lượng của chương trình. ĐTTC rất linh hoạt về thời gian, khuyến khích sự năng động và mở rộng sự lựa chọn của sinh viên.

- Chương trình ĐTTC gồm hai loại học phần (HP): bắt buộc (cứng) và tự chọn (mềm). Hướng chung là giảm HP “cứng”, tăng HP “mềm”. Sinh viên được lựa chọn HP phù hợp, chủ động tích lũy kiến thức và thời gian, có thể đăng ký học vượt, không có “lưu ban”, dễ dàng thay đổi ngành học mà không phải học lại từ đầu, hướng tới đáp ứng thị trường lao động. Sinh viên được cấp bằng tùy khả năng (thời lực, tài lực, sức khỏe,...), phát huy cao tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

b) Đối với cơ sở đào tạo (trường đại học)

- Đặc trưng cơ bản nhất của ĐTTC là thay đổi quan điểm giáo dục lấy người học làm trung tâm, điều đó đòi hỏi đổi mới phương pháp dạy học. Phải thiết kế số lượng

môn học lớn hơn số TC được yêu cầu, phải tạo được sự liên thông giữa các cấp, ngành đào tạo/giữa các cơ sở đào tạo ở các quốc gia, tăng độ minh bạch và giúp so sánh các hệ thống đại học giữa các nước. Các trường có thể mở thêm ngành học mới khi xã hội có nhu cầu, có thể thông qua ĐTTC mà đại chúng hóa đào tạo đại học.

- Trong ĐTTC, số giờ lên lớp của giảng viên giảm rõ rệt, nhưng thời gian dành cho nghiên cứu và hướng dẫn các khâu học tập, tiếp xúc với sinh viên ngoài giờ lên lớp để hỗ trợ, kiểm tra đánh giá kết quả tự học của SV sẽ gia tăng. Sinh viên được dành nhiều thời gian tự học, nhưng giảng viên phải cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ để giải quyết những điều khó và thắc mắc của sinh viên.

Nhìn tổng thể, ĐTTC là sự thay đổi cơ bản phương pháp dạy (các khâu phục vụ dạy học) và phương pháp học (các khâu tự học, nghiên cứu, thảo luận, sáng tạo). Đây vừa là thước đo khả năng học tập của sinh viên, vừa là thước đo hiệu quả và thời gian làm việc của giảng viên.

2. Vai trò và nhiệm vụ của giảng viên trong phương pháp đào tạo tín chỉ

2.1. Vai trò của giảng viên

Trong phương pháp ĐTTC, nếu sinh viên là trung tâm của quá trình đào tạo, thì giảng viên là lực lượng quyết định toàn bộ quá trình tổ chức và triển khai thành công phương pháp này.

(i) Để áp dụng phương pháp ĐTTC, giảng viên cần thay đổi quan niệm về đào tạo: định hướng phục vụ sinh viên từ khâu thiết kế chương trình, soạn bài giảng và sử dụng phương pháp giảng dạy mới. thiết kế số môn học lớn hơn số TC được yêu cầu với mỗi ngành đào tạo.

(ii) Giảng viên thay đổi phương pháp giáo dục: từ truyền đạt kiến thức, tức là tiếp cận theo nội dung (cung cấp nhiều kiến thức) sang tiếp cận mục tiêu, tức là

xây dựng những kỹ năng tư duy phân tích, tổng hợp, phán đoán, phản biện, ra quyết định, giải quyết vấn đề cho sinh viên,...

(iii) Giảng viên phải nghiên cứu khoa học, liên tục cải tiến chương trình và phương pháp giáo dục, xây dựng môn học mới để sinh viên có nhiều lựa chọn phù hợp với thực tiễn.

(iv) Giảng viên phải tự đầu tư về chuyên môn và có năng lực thực hành để giảng dạy giỏi và đào tạo sinh viên học cách giải quyết vấn đề và có tinh thần dám nghĩ, dám làm.

(v) Giảng viên cần phải được chuẩn bị đầy đủ về nghiệp vụ sư phạm phù hợp với tinh thần của nền sư phạm tích cực, bao gồm nhiều khâu:

- Tìm hiểu về nền sư phạm tích cực: tập huấn về các phương pháp giáo dục tích cực;

- Thiết kế chương trình và biên soạn bài giảng theo cách dạy học tích cực.

(vi) Đội ngũ giảng viên phải đủ về số lượng và mạnh về chất lượng để ngày càng đáp ứng nhiều hơn nhu cầu học tập của sinh viên. Cụ thể là:

- Có năng lực biên soạn nhiều module kiến thức mới để tăng số lượng các môn tự chọn; phải thay đổi định kỳ giáo trình, biên soạn nhiều tài liệu tham khảo để sinh viên tự nghiên cứu;

- Phải đầu tư nhiều thời gian để kiểm soát việc tự nghiên cứu/tự học của sinh viên.

Nhìn tổng thể, trong ĐTTC, giảng viên luôn đứng trước yêu cầu cao hơn, phải đổi mới kiến thức và phương pháp giáo dục, tự đổi mới về mọi mặt để có khả năng thích ứng cao hơn; giảng viên có nhiều cơ hội được phát triển nghề nghiệp, tuy nhiên cũng có nguy cơ bị tụt hậu.

2.2. Đổi mới phương pháp giáo dục của giảng viên trong phương pháp đào tạo tín chỉ

Thực ra, nhiệm vụ của giảng viên đã thay đổi mạnh mẽ từ những năm 1980.

Mục tiêu của giáo dục và đào tạo đã thay đổi, thì phương pháp giáo dục cũng phải thay đổi để đáp ứng yêu cầu của sự gia tăng lượng kiến thức khoa học - công nghệ theo cấp số nhân. Việc thay đổi cơ bản phương pháp giáo dục phải được thực hiện ngay từ các bậc học phổ thông. Tuy vậy, tại các trường đại học và cao đẳng ở nước ta, việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới phương pháp giáo dục vẫn thiếu tính hệ thống và chưa triệt để. Thực hiện ĐTTC vừa là sức ép, vừa là cơ hội đối với đội ngũ giảng viên. Dưới đây, xin đề cập cơ sở khoa học cho quá trình đổi mới này.

a) Nhận thức rõ hơn về vai trò của giáo dục

Các trường học đã thực hiện nhiệm vụ của nó trong hàng ngàn năm nay. Tuy vậy, trước sự “bùng nổ dân số” thì các trường học đã phải chuyển từ đào tạo tinh hoa sang đào tạo đại trà, bởi vì “*chỉ có giáo dục mới có thể chuyển gánh nặng dân số thành lợi thế của một quốc gia*”. Bùng nổ thông tin và tiến bộ khoa học - công nghệ đã đảo lộn mục tiêu giáo dục: chuyển từ đào tạo kiến thức, kỹ năng sang đào tạo năng lực là chính. Người ta không chỉ học khi đến trường mà còn học cả khi đã đi làm và lúc đã nghỉ hưu, “*học suốt đời*”, tạo dựng nên một xã hội học tập.

UNESCO tổng kết: “*Giáo dục phải giúp mỗi người phát hiện ra và làm giàu tiềm năng sáng tạo của bản thân, năng lực nội sinh của mỗi người*”, đề xuất 4 trụ cột của giáo dục thế kỷ XXI: học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để tự khẳng định và gần đây bổ sung trụ cột thứ 5: học để tự thay đổi mình và thay đổi thế giới.

b) Nhận thức rõ hơn về đặc điểm của quá trình học tập trong thời đại hiện nay

Quá trình học: một, là quá trình tích hợp, đồng hóa, biến đổi và cân bằng cấu trúc nhận thức, và hai, là quá trình tự biến đổi và làm phong phú mình bằng cách chọn,

nhập và xử lý thông tin lấy từ môi trường xung quanh. Theo Ph. Meirieu (1991), học là hoạt động tự giác, không thể bắt buộc người khác học; không thể tách rời nội dung và phương pháp học; nhận thức và xúc cảm của người học không tách rời nhau; *tri thức* là sự tổng hợp của ba yếu tố: *kiến thức, kỹ năng và thái độ*. Kiến thức, kỹ năng là mục tiêu quan trọng nhất phải hướng tới. Ấn đầu sau các kiến thức, kỹ năng đó lại là *thái độ* của mỗi người: tinh tích cực, nhiệt tình, say mê làm việc, ham muốn đóng góp và cống hiến, dám nghĩ, dám làm,... Những điều đó mới thật sự phân biệt người này với người kia, tạo nên năng lực thực sự của họ. Phải tạo điều kiện để sinh viên chia sẻ tâm tư, tình cảm, những mối quan tâm. Cảm xúc bị dồn nén lâu ngày dễ dẫn đến những hành động thiếu kiềm chế và kết quả là những cánh tượng đau lòng xảy ra trong học đường như hiện nay.

Tap chí “*Journal of Consciousness Studies*” (2002) công bố công trình của McFadden khẳng định rằng hoạt động tư duy bao gồm vô thức và ý thức. Học là một loại hoạt động tư duy điển hình, với: **Học = Vô thức + Ý thức**. Vô thức có ngay từ trong bụng mẹ. Trẻ em tư duy chủ yếu bằng vô thức, lớn lên mới dần dần bổ sung ý thức. Vô thức bám theo con người trong suốt cả cuộc đời, nhưng khi ý thức lấn át vô thức, làm cho tư duy mất cái hồn nhiên sinh động, thậm chí phản tự nhiên. Chỉ có sự cộng hưởng nhịp nhàng giữa hai loại tư duy này mới đem lại hiệu quả tốt đẹp. McFadden nhấn mạnh rằng nhiều người đồng nhất tư duy với ý thức: “*Phần lớn tư duy là vô thức, vô thức bao giờ cũng có trước, ý thức có sau, vô thức là cái phần bẩm sinh mà ai cũng có. Chúng liên quan mật thiết với nhau, thiếu một trong hai về đều dẫn tới tư duy què quặt*” [8]. *Vậy cái mới lạ nằm ngay trong đáy sâu của tầng vô thức của người học chứ*

chẳng ở đâu khác. Hãy khai thác nó một cách triệt để, hãy đánh thức nó dậy, làm cho người học khao khát muốn biết cái mới lạ của môn học, thay vì cứ nhồi một mớ chữ nghĩa mà người học chán ngấy.

Công việc đánh thức được người phương Đông gọi là Khai Tâm, *sự nghiệp giáo dục chủ yếu là Khai Tâm!* Nền giáo dục hiện đại quá chú trọng “Khai Trí” đến nỗi lãng quên nhiệm vụ “Khai Tâm”. Albert Einstein đã khẳng định: “*Giáo dục nhồi nhét tất yếu dẫn đến nông cạn và vô văn hóa. Cần có cách dạy làm sao để học sinh cảm thấy những điều họ được học là một quà tặng quý giá chứ không phải là một nhiệm vụ gán gắm*” [5]. GS. Trần Đình Hoàn thì nhận xét: “*Chúng ta thường nghĩ rằng tiếp thu kiến thức là tích cực nhồi kiến thức vào đầu. Thực ra, kiến thức như ánh sáng mặt trời, chiếu tự nhiên trên vạn vật. Tâm trí là căn nhà dưới ánh mặt trời. Chỉ cần mở toang hết các cánh cửa lớn nhỏ thì ánh sáng ủa vào tràn ngập, chiếu sáng từng ngõ ngách tăm tối trong nhà. Cách tiếp thu kiến thức như vậy vừa nhanh, nhẹ, vừa dễ, hiệu quả!*” [4].

c) *Cần khẳng định vai trò đặc biệt của người thầy*

Nhà giáo dục học A. Kômenski đã viết: “*Giáo dục có mục đích đánh thức năng lực nhạy cảm, phán đoán, phát triển nhân cách,...* Hãy tìm ra phương pháp cho phép giáo viên dạy ít hơn, học sinh học nhiều hơn”.

Ở nước ta, thuật ngữ “*dạy học lấy người học làm trung tâm*” chỉ mới xuất hiện và được sử dụng phổ biến gần đây. Nhưng phong trào thi đua “*học tốt, dạy tốt*” trong ngành Giáo dục nước ta đã sản sinh khẩu hiệu nổi tiếng: “*Tất cả vì học sinh thân yêu!*”. Phải chăng học sinh là trung tâm của mọi hoạt động giáo dục? S. Rassekh (1987) viết: “*Sự tham gia tích cực của người học vào quá trình học tập sẽ khó duy trì mỗi*

quan hệ đơn phương giữa thầy và trò. Quyền lực của giáo viên không còn dựa trên sự thụ động và dốt nát của học sinh mà dựa trên năng lực của giáo viên... Một giáo viên sáng tạo biết giúp đỡ học sinh tiến bộ nhanh chóng trên con đường tự học. Giáo viên phải là người hướng dẫn, người cố vấn hơn là chỉ đóng vai trò công cụ truyền đạt tri thức". Có người cho rằng, do sự bùng nổ công nghệ thông tin, vị trí người thầy lui dần xuống hàng thứ yếu, hay không còn giữ vai trò quyết định như trước nữa. Ý kiến này không được khoa học và thực tiễn xác nhận. R. Batliner khẳng định: "Giáo viên là yếu tố chủ chốt quyết định việc dạy và học có chất lượng". Dù có nhiều cách học không cần có thầy trực tiếp, thì cách học hiệu quả nhất, tiết kiệm thời gian, công sức nhất, vẫn là học với thầy giỏi. GS. Hoàng Tụy chỉ rõ: "Học sinh trung tâm" chỉ là nói nhiệm vụ của thầy, những việc thầy cần làm, các phương pháp thầy cần áp dụng, chứ không phải vì những việc ấy mà giảm nhẹ vai trò của thầy", "thầy vẫn là chủ đạo". Người thầy có vai trò trực tiếp trong việc tạo ra môi trường cho sinh viên tự học, trong việc định hướng và hỗ trợ sinh viên tìm ra con đường học phù hợp nhất cho mình [7].

The Washington Post (2003) viết: "Sách giáo khoa lâu nay chỉ là những bản thống kê kiến thức buồn tẻ và nhàm chán, nhưng sách của J. Hakim lại như một loại truyện kể. Hakim dạy cho người học hiểu quá trình hình thành các tư tưởng khoa học và ảnh hưởng của các tư tưởng đó đối với thế giới và tự tìm ra chân lý!". H. Ch. von Bayer nhận xét: "Sách giáo khoa hiện nay ở Mỹ do một số hội đồng viết ra. Họ chỉ đặc biệt chú trọng đến các chi tiết chuyên môn. Kết quả là người học cố gắng học thuộc thông tin đưa vào bài kiểm tra, nhưng rồi quên đi, quên hẳn, quên một cách tuyệt đối". Joy. Hakim viết: "Tôi muốn người học trở thành các

thám tử, vì thế tôi muốn viết như thế nào để thu hút người học tới mức còn muốn học tiếp thêm nữa". Suốt hơn 10 năm câu hỏi "Điều gì sẽ xảy ra với tốc độ ánh sáng?" dường như không lúc nào rời khỏi đầu, và cuối cùng, năm 1905, Einstein đã trả lời được câu hỏi của chính mình: ông đã phát minh ra một trong những lý thuyết quan trọng nhất trong toàn bộ lịch sử nhân loại: thuyết tương đối hẹp và đó cũng chính là chân lý mà mỗi người học phải tìm ra cho bản thân mình [5].

Cách dạy học truyền thống được ví như "người vừa đá bóng vừa thổi còi". Nhà văn Nguyễn Ngọc viết: "Trong khi đó có một cách dạy và học khác hẳn: trang bị cho con người không phải chủ yếu là kiến thức (vì kiến thức thì ngày càng vô tận,...), mà là trang bị cho họ phương pháp để họ tự biết và dám tự mình chiếm lĩnh lấy kiến thức, tự mình đi tìm lấy những gì mình tin là chân lý,... Những con người như vậy là những con người tự do, có năng lực tư duy độc lập, giàu khả năng và ý chí sáng tạo, nền tảng của một xã hội tự do và phát triển" [7].

Nhà bác học A. Einstein đã khẳng định mục tiêu cao nhất của dạy học là "dạy tư duy", tức là dạy cách tiếp nhận và thẩm thấu tri thức và vận dụng sáng tạo chúng, đồng thời hình thành con đường tự khám phá để học sinh tiếp tục học tập sáng tạo đến suốt đời. Nếu học kiến thức thì chỉ có kiến thức, còn học tư duy thì được cả công cụ tiếp cận những kiến thức mới. A. Einstein cũng đã từng nói về việc dạy học với những điều sáng láng:

- Dạy cho con người để có một cảm thức sống động về cái gì là đáng để phấn đấu;
- Dạy cho con người để có một ý thức sống động về cái gì là đẹp và thiện;
- Dạy để có một con người được phát triển hài hòa [5].

Trong bài "Đôi mới có tính cách mạng nền GD&ĐT của nước nhà", Đại tướng

Võ Nguyên Giáp đã chỉ rõ: “Thời đại mới đòi hỏi con người phải có *cách nhìn mới, cách nghĩ mới và những kiến thức, kỹ năng mới của chính thời đại mình*. Nói cụ thể hơn, con người mới đó phải có khả năng tư duy độc lập, có phương pháp tư duy hệ thống và cách nhìn toàn thể, có năng lực sáng tạo và tinh thần đổi mới, có khả năng thích ứng với sự thay đổi thường xuyên, đa dạng, phức tạp đầy biến động bất ngờ và bất định, có năng lực hành động hiệu quả và tinh thần hợp tác trong một môi trường đa văn hóa của một thế giới toàn cầu hóa” [5, tr. 14-15].

Sự phân tích ở trên có thể khẳng định, nhiệm vụ của người thầy không phải là truyền đạt kiến thức một chiều mà phải hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên để họ tự mình tìm ra chân lý. *Quá trình này đã đưa vai trò của người thầy lên một tầm cao mới, không chỉ đáp ứng nhu cầu về tri thức như bao nhu cầu khác của con người, mà trở thành người dắt dẫn, khơi dậy, vươm tạo trí tuệ và cả những ước mơ vươn tới đỉnh cao của thời đại.*

3. Một vài nhận xét và kiến nghị

3.1. Về vai trò và nhiệm vụ của công tác quản lý đào tạo

Quản lý đào tạo giữ vai trò tổ chức thực hiện và đảm bảo thông suốt cho cả một hệ thống đa chiều, trong đó sinh viên là trung tâm, giảng viên có vai trò ở một tầm cao mới

(i) Đại chúng hoá giáo dục đại học đòi hỏi các trường mở rộng cửa hơn và có cơ chế đào tạo linh hoạt hơn.

(ii) Lấy người học làm trung tâm đòi hỏi phải có cơ chế quản lý mềm dẻo trong việc tổ chức dạy và học, để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên thiết kế việc học theo nguyên lý “tiệc buffet”.

(iii) Công tác quản lý đào tạo phải mềm dẻo và phong phú: có chính sách tuyển sinh mở cửa hơn, mềm hoá các thủ

tục để sinh viên có lợi nhất, thuận tiện nhất; đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về phòng học, máy móc, tài liệu nghiên cứu, chỗ ngồi trong thư viện,...

(v) Đổi mới tổ chức quản lý đào tạo, đầu tư cho đào tạo giảng viên.

Nhà quản lý phải lường trước và có biện pháp thích hợp để khắc phục những hạn chế có thể xảy ra của phương pháp ĐTTC, như việc cắt vụn kiến thức (mỗi module thường tương đối nhỏ, cỡ 2, 3 hoặc 4 TC); sự gắn kết trong sinh viên được khắc phục bằng cách xây dựng các tập thể tương đối ổn định qua các “lớp khóa học” và bố trí sinh viên có thể cùng tham gia các sinh hoạt đoàn thể. Thực tế, nhiều sinh viên vẫn chưa có thói quen làm việc độc lập, chưa có định hướng rõ về ngành nghề, nên lúng túng, bị động, không tự xây dựng và tuân thủ kế hoạch, không tự bảo vệ mình trước những cám dỗ như game online, cá độ... dẫn đến nhiều bạn học kém, bỏ học, không đi học. Hiện tượng này phải sớm phát hiện và có biện pháp khắc phục. Khi bắt đầu áp dụng ĐTTC, do thiếu nguồn lực về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên,... nên chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của người học, có thể rơi vào tình trạng lộn xộn, có thể một ngày học 3 đến 4 ca, hoặc có khi sinh viên nghỉ ở nhà cả ngày.

3.2. Vấn đề đặt ra về phía sinh viên

- ĐTTC đòi hỏi sinh viên phải có kỹ năng tự học và tự nghiên cứu, phải biết tự hoạch định nội dung học tập và quản lý quá trình tự học của mình. Nhiều sinh viên sử dụng không đúng mục đích thời gian tự học được thiết kế trong chương trình, giờ học biến thành giờ làm việc riêng tư như đi làm thêm hoặc học thêm bằng 2, thậm chí không loại trừ những trường hợp xấu khác,...

- ĐTTC nhằm thực hiện dân chủ hoá và đại chúng hoá giáo dục đại học, cung

cấp cho sinh viên nhiều tự do hơn trong việc quyết định lộ trình đào tạo của mình cũng như cơ cấu kiến thức mà họ cần tiếp thu. Điều này đòi hỏi tính tự chủ và tự lập cao của người học cũng như một sự thay đổi đồng bộ trong toàn xã hội, từ giáo dục phổ thông, giáo dục gia đình, cho đến giáo dục đại học. Cũng không thể chờ đợi mà cần có bước đột phá cần thiết và sự tiên phong của hệ thống giáo dục đại học.

3.3. Vài nhận xét và kiến nghị

- Giảm số lượng giờ dạy mà không cắt xén chương trình là điều rất khó, nhất là *khi giảng viên phải tự mò mẫm để thích nghi với ĐTTC*. Không ít giảng viên chọn cách làm dễ nhất là dạy đến hết giờ trên lớp, phần chương trình còn lại giao cho sinh viên tự học. Lưu ý về nguy cơ có thể xảy ra là vẫn có thể tiếp tục *chương trình đào tạo lạc hậu dưới chiêu bài ĐTTC* bằng cách áp dụng TC vào các môn học hiện có mà *không có những thay đổi để có thể tạo ra kết quả giáo dục tích cực hơn*.

- Sự thành công của ĐTTC trước hết phụ thuộc vào trình độ và *năng lực của đội ngũ giảng viên*. Có hiện tượng đi từ cực này sang cực khác, từ chỗ thiên về

phương pháp đọc - chép hoặc diễn giảng đến chỗ *phủ định sạch trơn* các phương pháp giáo dục truyền thống. Hiện chúng ta còn thiếu kinh nghiệm của *“người sản xuất và quản lý chương trình ĐTTC”*, nên phải tiếp thu có chọn lọc, có lý trí những biện pháp quản lý của nước ngoài.

Chúng tôi xin kiến nghị:

1. Phải đặt trọng tâm của công tác TC hoá ở khâu *cải tiến các phương thức đào tạo, trong đó phương pháp dạy và học là cốt lõi, vì đó mới chính là linh hồn quyết định chất lượng của ĐTTC*, chứ không phải là khâu quy đổi giờ dạy của từng học phần.

2. Phải *dân chủ hoá nhiều hơn nữa*, sao cho giảng viên và sinh viên có thể đầu tư nhiều hơn nữa cho việc *đổi mới triệt để nội dung và phương pháp dạy và học,...*

3. Cần làm cho mọi giảng viên *nhận thức được ý nghĩa khoa học và tầm quan trọng* của phương pháp ĐTTC, dành nhiều thì giờ hơn cho giảng viên nghiên cứu khoa học và cải tiến phương pháp giáo dục.

4. Phải áp dụng *chính sách thù lao phù hợp* để đội ngũ giảng viên tập trung trí tuệ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học./.

Tài liệu tham khảo

1. J. M. Banner, Jr. & Harold C. Cannon. Những yếu tố cơ bản của nghề dạy học. NXB Văn hóa Sài Gòn và Đại học Hoa Sen, HCM, 2009, tr. 22.
2. P. F. Drucker. Xã hội tri thức, quản lý kinh doanh, xã hội và nhà nước. Nguyễn Quang A dịch.
3. Võ Nguyên Giáp. Đổi mới có tính cách mạng nền giáo dục và đào tạo của nước nhà. “Những vấn đề giáo dục hiện nay: Quan điểm và giải pháp”. NXB Tri thức, Hà Nội, 2007.
4. Trần Đình Hoành. www.dotchuoinnon.com
5. Những vấn đề giáo dục hiện nay: Quan điểm và giải pháp. NXB Tri thức, Hà Nội, 2007.
6. Đặng Thị Thanh Thủy. Những nét cơ bản về học chế TC và đào tạo theo học chế TC”, ngày: 09-04-2008.
7. GS Hoàng Tụy (chủ biên). Cải cách và chấn hưng giáo dục. NXB Tổng hợp, TP HCM, 2005.
8. <http://viethungpham.wordpress.com>

Ngày nhận bài: 05/06/2019